

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT THANH LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *112* /QĐ-THPT.TL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Quản lý, Sử dụng tài sản công Năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT THANH LỘC

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của nghị định 151/2017/NĐ-CP Ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 11/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét đề nghị của Bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quản lý, sử dụng tài sản công Năm 2025 của Trường THPT Thanh Lộc (theo biểu 09a-CK/TSC, 09b-CK/TSC, 09c-CK/TSC, 09d-CK/TSC, 09đ-CK/TSC ban hành theo thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Tài vụ và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Công khai trên trang web của trường
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Lương Văn Định

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Thạnh Lộc
Mã đơn vị: 1042858
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2025

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						80.208						
4	Tài sản cố định khác						80.208						
	Bộ định tuyến Vigor 3912 Cudy	Cái	1	Cudy	Đài Loan	2025	23.958	Chỉ định thầu					
	Máy in A3 và bộ đảo		1	HP 406N	Mỹ	2024	29.500	Mua sắm trực tiếp					
	Máy lạnh Reetech	Cái	1			2010	12.500						
	Máy Scan		1	HP SCANJET PRO 3000S4	Mỹ	2024	14.250	Mua sắm trực tiếp					
II	Tài sản giao mới						1.569.000						
4	Tài sản cố định khác						1.569.000						
	Màn hình Led hội trường		1		Đài Loan	2022	112.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2023	13.750						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2023	13.750						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2023	13.750						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2024	12.375						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2024	12.375						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2024	12.375						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2024	12.375						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2023	13.750						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						

[illegible]

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2023	13.750						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2023	13.750						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2023	13.750						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2024	12.375						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2024	12.375						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2024	12.375						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2023	13.750						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2023	13.750						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2023	13.750						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2024	12.375						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						

[illegible]

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2024	12.375						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy lạnh Reetech 2HP	Cái	1	Reetech 2HP	Thái Lan	2021	12.000						
	Máy vi tính LENOVO		1		Trung Quốc	2021	12.000						
	Máy vi tính LENOVO		1		Trung Quốc	2021	12.000						
	Máy vi tính LENOVO		1		Trung Quốc	2021	12.000						
	Máy vi tính LENOVO		1		Trung Quốc	2021	12.000						
	Máy vi tính LENOVO		1		Trung Quốc	2021	12.000						
	Máy vi tính LENOVO		1		Trung Quốc	2021	12.000						
	Máy vi tính LENOVO		1		Trung Quốc	2021	12.000						
	Máy vi tính LENOVO		1		Trung Quốc	2021	12.000						
	Máy vi tính LENOVO		1		Trung Quốc	2021	12.000						
	Máy vi tính LENOVO		1		Trung Quốc	2021	12.000						
V	Tài sản có phương thức hình thành khác						1.840.749						
4	Tài sản cố định khác						1.840.749						
	Bảng tương tác dạy Anh văn	Cái	1			2013	90.422						
	Bảng tương tác dạy Anh văn	Cái	1			2013	90.422						
	Bảng tương tác dạy Anh văn	Cái	1			2013	90.422						
	Bảng tương tác dạy Anh văn	Cái	1			2013	90.422						
	Máy chiếu Sony 2700AnsiLumens	Cái	1			2012	41.520						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy chiếu Sony 2700AnsiLumens	Cái	1			2012	41.520						
	Máy chiếu Sony 2700AnsiLumens	Cái	1			2012	41.520						
	Máy đèn chiếu Panasonic	Cái	1			2004	21.667						
	Máy đèn chiếu Panasonic	Cái	1			2004	21.667						
	Máy đèn chiếu Panasonic	Cái	1			2004	21.667						
	Máy đèn chiếu Sanyo	Cái	1			2004	32.500						
	Máy đèn chiếu Sanyo	Cái	1			2004	32.500						
	Máy đèn chiếu Sony	Cái	1			2003	32.667						
	Máy đèn chiếu Sony	Cái	1			2003	32.667						
	Máy đèn chiếu Sony	Cái	1			2003	32.667						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						



[illegible]

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	bộ	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						

[illegible]

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	Máy vi tính màn hình LCD	Cái	1			2011	10.500						
	TIVI SAMSUNG 65 INCH		1				15.000						
	TIVI SAMSUNG 65 INCH		1				15.000						
	TIVI SAMSUNG 65 INCH		1				15.000						
	TIVI SAMSUNG 65 INCH		1				15.000						
	TIVI SAMSUNG 65 INCH		1				15.000						
	TIVI SAMSUNG 65 INCH		1				15.000						
	TIVI SAMSUNG 65 INCH		1				15.000						
	TIVI SAMSUNG 65 INCH		1				15.000						
	TIVI SAMSUNG 65 INCH		1				15.000						
	TIVI SAMSUNG 65 INCH		1				15.000						
	Tổng cộng						3.489.957						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Nguyễn Huỳnh Lê Vy

Ngày 02.. tháng 03 năm 2026..

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Lương Văn Định

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Thạnh Lộc

Mã đơn vị: 1042858

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2025

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Đất tại 116 Nguyễn Thị Sáu, P. Thạnh Lộc, Quận 12	14.857,10	123.016.788		14.407,10		450,00															
2	Khối nhà A (Hành chính)									2011	2.278,00	8.863.242	7.312.175		2.278,00							
3	Khối nhà B (Phòng học)									2011	6.167,30	23.995.731	19.796.478		6.167,30							
4	Khối nhà C (Nhà thể thao)									2011	862,84	3.357.138	2.769.639		862,84							
5	Khối nhà D (Nhà xe học sinh)									2011	450,00	1.750.860	1.444.460		450,00							
6	Khối nhà E (nhà xe GV)									2011	210,00	817.068	674.081		210,00							
7	Khối nhà F (nhà máy xử lý nước)									2011	12,00	46.690	38.519		12,00							
8	Khối nhà G (Căn tin)									2011	192,00	437.457	360.902				192,00					
	Tổng cộng:	14.857,10	123.016.788		14.407,10		450,00				10.172,14	39.268.186	32.396.253		9.980,14		192,00					

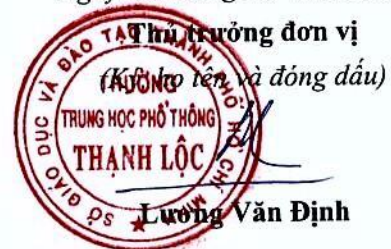
Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Nguyễn Huỳnh Lê Vy

Ngày tháng năm



Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Lương Văn Định

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Thạnh Lộc

Mã đơn vị: 1042858

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC

Năm 2025

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		291	5.263.208	2.957.740	2.305.468	1.183.479							
1	Bàn ghế salon	Phòng Hiệu Trưởng	1	13.500	13.500									x
2	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
3	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
4	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
5	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
6	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
7	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
8	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
9	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
10	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
11	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
12	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng y Tế	1	10.500	10.500									x
13	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
14	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
15	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
16	Máy vi tính màn hình LCD	Kho Thiết Bị	1	10.500	10.500									x
17	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
18	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
19	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
20	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
21	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
22	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
23	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
24	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
25	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
26	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
27	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
28	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
29	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
30	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
31	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
32	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
33	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
34	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
35	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
36	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
37	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng thủ Quỹ	1	10.500	10.500									x
38	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
39	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
40	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
41	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
42	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Quản Sinh	1	10.500	10.500									x
43	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
44	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
45	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
46	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
47	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
48	Máy vi tính LENOVO	Phòng Thư Viện	1	12.000		12.000			x					x
49	Máy vi tính LENOVO	Phòng Thư Viện	1	12.000		12.000			x					x
50	Máy vi tính LENOVO	Phòng Thư Viện	1	12.000		12.000			x					x
51	Máy vi tính LENOVO	Phòng Thư Viện	1	12.000		12.000			x					x
52	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
53	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
54	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
55	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
56	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
57	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
58	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
59	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
60	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
61	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
62	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
63	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
64	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
65	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
66	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
67	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
68	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
69	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
70	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
71	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
72	Máy vi tính LENOVO	Phòng Thư Viện	1	12.000		12.000			x					x
73	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
74	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
75	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 19	1	16.000		16.000	9.600		x					x
76	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 15	1	16.000		16.000	9.600		x					x
77	TIVI SAMSUNG 65 INCH	Phòng học 05	1	15.000		15.000	6.000							x
78	TIVI SAMSUNG 65 INCH	Phòng học 10	1	15.000		15.000	6.000							x
79	TIVI SAMSUNG 65 INCH	Phòng học 02	1	15.000		15.000	6.000							x
80	TIVI SAMSUNG 65 INCH	Phòng học 04	1	15.000		15.000	6.000							x
81	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 34	1	16.000		16.000	9.600		x					x
82	TIVI SAMSUNG 65 INCH	Phòng học 08	1	15.000		15.000	6.000							x
83	TIVI SAMSUNG 65 INCH	Phòng học 01	1	15.000		15.000	6.000							x
84	TIVI SAMSUNG 65 INCH	Phòng học 07	1	15.000		15.000	6.000							x
85	TIVI SAMSUNG 65 INCH	Phòng học 09	1	15.000		15.000	6.000							x
86	TIVI SAMSUNG 65 INCH	Phòng học 03	1	15.000		15.000	6.000							x
87	Tivi LG 65 inch	Phòng học 11	1	16.000		16.000	9.600		x					x
88	Tivi LG 65 inch	Phòng học 14	1	16.000		16.000	9.600		x					x
89	TIVI SAMSUNG 65 INCH	Phòng học 06	1	15.000		15.000	6.000							x
90	Tivi LG 65 inch	Phòng học 12	1	16.000		16.000	9.600		x					x
91	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 27	1	16.000		16.000	9.600		x					x
92	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 24	1	16.000		16.000	9.600		x					x
93	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 22	1	16.000		16.000	9.600		x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
94	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 21	1	16.000		16.000	9.600		x					x
95	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 32	1	16.000		16.000	9.600		x					x
96	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 23	1	16.000		16.000	9.600		x					x
97	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 25	1	16.000		16.000	9.600		x					x
98	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 17	1	16.000		16.000	9.600		x					x
99	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 35	1	16.000		16.000	9.600		x					x
100	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 29	1	16.000		16.000	9.600		x					x
101	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 31	1	16.000		16.000	9.600		x					x
102	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 33	1	16.000		16.000	9.600		x					x
103	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 18	1	16.000		16.000	9.600		x					x
104	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 28	1	16.000		16.000	9.600		x					x
105	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 16	1	16.000		16.000	9.600		x					x
106	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 20	1	16.000		16.000	9.600		x					x
107	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 30	1	16.000		16.000	9.600		x					x
108	Tivi LG 65 inch	Phòng học 13	1	16.000		16.000	9.600		x					x
109	Súng Ak 47+ 30 lựu đạn	Kho Thiết Bị	1	30.355	30.355									x
110	Ôn áp AST 20 KVA	Trường THPT Thạnh Lộc	1	15.000	15.000									x
111	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
112	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
113	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
114	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
115	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
116	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
117	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
118	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
119	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
120	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
121	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
122	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
123	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
124	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
125	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
126	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
127	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
128	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
129	Ổn áp AST 20 KVA	Trường THPT Thạnh Lộc	1	15.000	15.000									x
130	Ổn áp AC/DC-30A	Trường THPT Thạnh Lộc	1	15.000	15.000									x
131	Ổn áp AC/DC-30A	Trường THPT Thạnh Lộc	1	15.000	15.000									x
132	Ổn áp AC/DC-30A	Trường THPT Thạnh Lộc	1	15.000	15.000									x
133	Mua máy tính chủ	Phòng Tin học 01	1	23.562	23.562									x
134	Máy vi tính sever CPU inter core 2 Duo 3,06 GHz	Phòng Văn Thư	1	55.000	55.000									x
135	Máy vi tính sever CPU inter core 2 Duo 3,06 GHz	Phó Hiệu Trưởng - T.Khanh	1	55.000	55.000									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
136	Máy vi tính màn hình LCD Samsung	Phòng Kế Toán	1	10.500	10.500									x
137	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
138	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
139	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
140	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
141	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
142	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng Tin học 01	1	10.500	10.500									x
143	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
144	Máy vi tính màn hình LCD	Phòng tin học 2	1	10.500	10.500									x
145	Tivi Samsung 65 inch Crystal UHD 4K	Phòng học 26	1	16.000		16.000	9.600		x					x
146	Máy vi tính LENOVO	Phòng Thư Viện	1	12.000		12.000			x					x
147	Máy vi tính LENOVO	Phòng Thư Viện	1	12.000		12.000			x					x
148	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 18	1	12.000		12.000	4.500		x					x
149	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Thí Nghiệm Lý	1	12.375		12.375	9.281		x					x
150	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 43	1	12.000		12.000	4.500		x					x
151	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 01	1	12.000		12.000	4.500		x					x
152	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 43	1	12.000		12.000	4.500		x					x
153	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 20	1	12.000		12.000	4.500		x					x
154	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 26	1	12.375		12.375	9.281		x					x
155	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 03	1	12.000		12.000	4.500		x					x
156	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 23	1	12.000		12.000	4.500		x					x
157	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 06	1	12.000		12.000	4.500		x					x
158	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Hội trường	1	13.750		13.750	8.594		x					x
159	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 13	1	12.000		12.000	4.500		x					x
160	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 15	1	12.000		12.000	4.500		x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
161	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 05	1	12.000		12.000	4.500		x					x
162	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 29	1	12.000		12.000	4.500		x					x
163	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Hội trường	1	13.750		13.750	8.594		x					x
164	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 16	1	12.000		12.000	4.500		x					x
165	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Hội trường	1	13.750		13.750	8.594		x					x
166	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 40	1	12.000		12.000	4.500		x					x
167	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Tin học 01	1	12.375		12.375	9.281		x					x
168	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 36	1	12.000		12.000	4.500		x					x
169	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Hội trường	1	13.750		13.750	8.594		x					x
170	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 39	1	12.000		12.000	4.500		x					x
171	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 11	1	12.000		12.000	4.500		x					x
172	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 16	1	12.000		12.000	4.500		x					x
173	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Tin học 01	1	12.375		12.375	9.281		x					x
174	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 22	1	12.000		12.000	4.500		x					x
175	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 32	1	12.000		12.000	4.500		x					x
176	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Hội trường	1	13.750		13.750	8.594		x					x
177	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 29	1	12.000		12.000	4.500		x					x
178	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 08	1	12.000		12.000	4.500		x					x
179	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 13	1	12.000		12.000	4.500		x					x
180	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 21	1	12.000		12.000	4.500		x					x
181	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Hội trường	1	13.750		13.750	8.594		x					x
182	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Hội trường	1	13.750		13.750	8.594		x					x
183	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 19	1	12.000		12.000	4.500		x					x
184	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 80m3/ngày	Trường THPT Thạnh Lộc	1	620.000	620.000									x
185	Hệ thống xử lý nước cấp sinh hoạt	Trường THPT Thạnh Lộc	1	235.000	235.000									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
186	Hệ thống wireless	Trường THPT Thanh Lộc	1	20.015	20.015									x
187	Hệ thống âm thanh	Kho Thiết Bị	1	25.819	25.819									x
188	Bộ định tuyến Vigor 3912 Cudy	Phòng Công đoàn & Tư vấn	1	23.958		23.958	19.166		x					x
189	Bảng tương tác dạy Anh văn	Kho Thiết Bị	1	90.422	90.422									x
190	Màn hình Led hội trường	Phòng Hội trường	1	112.000		112.000	70.000							x
191	Bảng tương tác dạy Anh văn	Kho Thiết Bị	1	90.422	90.422									x
192	Bảng tương tác dạy Anh văn	Kho Thiết Bị	1	90.422	90.422									x
193	Bàn phòng họp 2 chỗ ocal	Phòng Giáo viên	1	60.000	60.000									x
194	Bàn hội trường	Phòng Hội trường	1	75.992		75.992	56.994							x
195	Bàn ghế salon	Phó Hiệu Trưởng - T.Khanh	1	13.500	13.500									x
196	Bàn ghế salon	Phòng Phó Hiệu Trưởng - T.Thạnh	1	13.500	13.500									x
197	Bàn ghế salon	Phòng Người Nước Ngoài	1	13.500	13.500									x
198	Bảng tương tác dạy Anh văn	Kho Thiết Bị	1	90.422	90.422									x
199	Máy bắn tập MBT 03SH2/GDQP*CD +2 bộ tập	Kho Thiết Bị	1	48.300	48.300									x
200	Máy in A3 và bộ đào	Phòng Văn Thư	1	29.500		29.500	23.600		x					x
201	Máy in laser HP	Phòng thủ Quỹ	1	10.500	10.500									x
202	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 42	1	12.000		12.000	4.500		x					x
203	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 40	1	12.000		12.000	4.500		x					x
204	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 42	1	12.000		12.000	4.500		x					x
205	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 09	1	12.000		12.000	4.500		x					x
206	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 35	1	12.000		12.000	4.500		x					x
207	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 34	1	12.000		12.000	4.500		x					x
208	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Thí Nghiệm Lý	1	12.375		12.375	9.281		x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
209	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 45	1	12.000		12.000	4.500		x					x
210	Máy lạnh Reetech	Phòng nghi GV Nam	1	12.500	12.500									x
211	Máy lạnh Panasonic	Phòng nghi GV nữ	1	16.500	16.500									x
212	Máy lạnh Panasonic	Kho Thiết Bị	1	11.000	11.000									x
213	Máy lạnh Mitsubishi	Phòng Văn Thư	1	14.500	14.500									x
214	Máy lạnh Mitsubishi	Phòng Thư Viện	1	14.500	14.500									x
215	Máy lạnh Mitsubishi	Phòng Thư Viện	1	14.500	14.500									x
216	Máy lạnh Mitsibishi	Phòng y Tế	1	14.500	14.500									x
217	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 23	1	12.000		12.000	4.500		x					x
218	Máy vi tính LENOVO	Phòng Thư Viện	1	12.000		12.000			x					x
219	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 10	1	12.000		12.000	4.500		x					x
220	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 17	1	12.000		12.000	4.500		x					x
221	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 19	1	12.000		12.000	4.500		x					x
222	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 02	1	12.000		12.000	4.500		x					x
223	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 06	1	12.000		12.000	4.500		x					x
224	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 20	1	12.000		12.000	4.500		x					x
225	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 12	1	12.000		12.000	4.500		x					x
226	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 46	1	12.000		12.000	4.500		x					x
227	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 22	1	12.000		12.000	4.500		x					x
228	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 30	1	12.000		12.000	4.500		x					x
229	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 08	1	12.000		12.000	4.500		x					x
230	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Hội trường	1	13.750		13.750	8.594		x					x
231	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 38	1	12.000		12.000	4.500		x					x
232	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Tin học 01	1	12.375		12.375	9.281		x					x
233	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 32	1	12.000		12.000	4.500		x					x
234	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 09	1	12.000		12.000	4.500		x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
235	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Thí Nghiệm Lý	1	12.375		12.375	9.281		x					x
236	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 03	1	12.000		12.000	4.500		x					x
237	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Hội trường	1	13.750		13.750	8.594		x					x
238	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 31	1	12.000		12.000	4.500		x					x
239	Máy vi tính LENOVO	Phòng Thư Viện	1	12.000		12.000			x					x
240	Máy vi tính LENOVO	Phòng Thư Viện	1	12.000		12.000			x					x
241	Máy vi tính	Phòng Hiệu Trưởng	1	10.500	10.500									x
242	Máy Scan	Phòng Kế Toán	1	14.250		14.250	11.400		x					x
243	Máy quay phim KTS Sony	Trường THPT Thanh Lộc	1	12.500	12.500									x
244	Máy photocopy Toshiba 720	Phòng Văn Thư	1	33.000	33.000		11.550							x
245	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 41	1	12.000		12.000	4.500		x					x
246	Máy photo Toshiba 853	Phòng Văn Thư	1	34.000	34.000		11.900							x
247	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 14	1	12.000		12.000	4.500		x					x
248	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 21	1	12.000		12.000	4.500		x					x
249	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 33	1	12.000		12.000	4.500		x					x
250	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 44	1	12.000		12.000	4.500		x					x
251	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 35	1	12.000		12.000	4.500		x					x
252	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 26	1	12.375		12.375	9.281		x					x
253	Máy photo MP2000 LP	Phòng Văn Thư	1	98.000	98.000		48.020							x
254	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 10	1	12.000		12.000	4.500		x					x
255	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 39	1	12.000		12.000	4.500		x					x
256	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 18	1	12.000		12.000	4.500		x					x
257	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 41	1	12.000		12.000	4.500		x					x
258	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 15	1	12.000		12.000	4.500		x					x
259	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 27	1	12.375		12.375	9.281		x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
260	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Hội trường	1	13.750		13.750	8.594		x					x
261	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Hội trường	1	13.750		13.750	8.594		x					x
262	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 37	1	12.000		12.000	4.500		x					x
263	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 30	1	12.000		12.000	4.500		x					x
264	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 33	1	12.000		12.000	4.500		x					x
265	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Phó Hiệu Trưởng - T.Thanh	1	12.000		12.000	4.500		x					x
266	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 05	1	12.000		12.000	4.500		x					x
267	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 27	1	12.375		12.375	9.281		x					x
268	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 36	1	12.000		12.000	4.500		x					x
269	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Hội trường	1	13.750		13.750	8.594		x					x
270	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 11	1	12.000		12.000	4.500		x					x
271	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 12	1	12.000		12.000	4.500		x					x
272	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 31	1	12.000		12.000	4.500		x					x
273	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 28	1	12.375		12.375	9.281		x					x
274	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 38	1	12.000		12.000	4.500		x					x
275	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 04	1	12.000		12.000	4.500		x					x
276	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Hội trường	1	13.750		13.750	8.594		x					x
277	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 02	1	12.000		12.000	4.500		x					x
278	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 17	1	12.000		12.000	4.500		x					x
279	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 14	1	12.000		12.000	4.500		x					x
280	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 44	1	12.000		12.000	4.500		x					x
281	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 34	1	12.000		12.000	4.500		x					x
282	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 01	1	12.000		12.000	4.500		x					x
283	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 28	1	12.375		12.375	9.281		x					x
284	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 37	1	12.000		12.000	4.500		x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
285	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng Hội trường	1	13.750		13.750	8.594		x					x
286	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 45	1	12.000		12.000	4.500		x					x
287	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 07	1	12.000		12.000	4.500		x					x
288	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 46	1	12.000		12.000	4.500		x					x
289	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 04	1	12.000		12.000	4.500		x					x
290	Máy lạnh Reetech 2HP	Phòng học 07	1	12.000		12.000	4.500		x					x
291	Tủ đựng hồ sơ	Phòng Giáo viên	1	42.768		42.768	25.661							x

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Nguyễn Huỳnh Lê Vy

Ngày 09. tháng 02. năm 2026..

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Lương Văn Định

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Thạnh Lộc
Mã đơn vị: 1042858
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2025

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác	5.695.952	246.000	204.000												
1	Bàn ghế học sinh	70.400								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
2	Bàn ghế	70.400								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
3	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
4	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
5	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
6	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					



STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Ngìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Ngìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
7	Bản HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
8	Bản HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
9	Bản HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
10	Bản HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
11	Bản HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
12	Bản HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
13	Bản HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
14	Bản HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
15	Bản HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
16	Bản HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
17	Bản HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
18	Bản HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Ngìn đồng)		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Ngìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
19	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
20	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
21	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
22	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
23	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
24	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
25	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
26	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
27	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
28	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
29	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
30	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
31	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
32	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
33	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
34	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
35	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
36	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
37	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
38	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
39	Bàn HS 2 chỗ khung sắt	35.994								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
40	Bàn vi tính (ocal)	128.101								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
41	Bàn vi tính (ocal)	128.101								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
42	Bảng từ	126.300								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

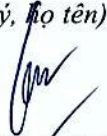
STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
43	Bảng tương tác dạy Anh văn	361.689			x											
44	Ghế học sinh		96.000	84.000						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
45	He thống am thanh	81.651					x									
46	Hệ thống âm thanh Tiến đạt	40.000					x									
47	Laptop Compaq	28.000					x									
48	Laptop Sony Vaio	21.000					x									
49	Laptop Toshiba	20.000					x									
50	Loa phòng học	16.440					x									
51	Máy ảnh KTS Sony	11.800					x									
52	Máy chiếu	51.793					x									
53	Máy chiếu	51.793					x									
54	Máy chiếu	51.793					x									
55	Máy chiếu Panasonic PT-LP90EA.	37.000					x									
56	Máy chiếu Sony 2700AnsiLumens	124.560			x											
57	Máy chiếu Sony 2700AnsiLumens	41.520					x									
58	Máy chiếu Sony 2700AnsiLumens	41.520					x									
59	Máy chiếu Sony 2700AnsiLumens	41.520					x									
60	Máy chủ	16.170					x									
61	Máy đèn chiếu Panasonic	21.667					x									
62	Máy đèn chiếu Panasonic	65.000			x											
63	Máy đèn chiếu Panasonic	21.667					x									
64	Máy đèn chiếu Panasonic	21.667					x									

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Ngàn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Ngàn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
65	Máy đèn chiếu Panasonic PT-LP90EA.	37.000					x									
66	Máy đèn chiếu Panasonic PT-LP90EA.	37.000					x									
67	Máy đèn chiếu Sanyo	37.400					x									
68	Máy đèn chiếu Sanyo	32.500					x									
69	Máy đèn chiếu Sanyo	37.400					x									
70	Máy đèn chiếu Sanyo	65.000			x											
71	Máy đèn chiếu Sanyo	32.500					x									
72	Máy đèn chiếu Sanyo	37.400					x									
73	Máy đèn chiếu Sony	31.000					x									
74	Máy đèn chiếu Sony	31.000					x									
75	Máy đèn chiếu Sony	32.667					x									
76	Máy đèn chiếu Sony	32.667					x									
77	Máy đèn chiếu Sony	98.000			x											
78	Máy đèn chiếu Sony	32.667					x									
79	Máy in laser Canon LBP 3500	20.000					x									
80	Máy lạnh Funili 2HP	15.000					x									
81	Máy lạnh Sanyo	11.440					x									
82	Máy lạnh Sanyo	13.530					x									
83	Máy lạnh Sanyo	12.500			x											
84	Máy quét bài thi trắc nghiệm (có máy tính)	34.000					x									
85	Máy vi tính	195.300								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
86	Máy vi tính intel 945 GC&IC115	301.325								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
87	Máy vi tính màn hình LCD	13.400					x									
88	Máy vi tính màn hình LCD	472.500			x											
89	Máy vi tính màn hình LCD	50.713								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
90	Máy vi tính màn hình LCD	472.500			x											
91	Máy vi tính màn hình LCD	31.500			x											
92	Máy vi tính màn hình LCD Dell	10.500					x									
93	Máy vi tính màn hình LCD Dell	10.774					x									
94	Máy vi tính màn hình LCD Dell	13.388					x									
95	Ôn áp 3 phases 60KVA	25.000					x									
96	Teacher consol + tổ hợp tay nghe	163.000					x									
97	TIVI SAMSUNG 65 INCH		75.000	60.000	x											
98	TIVI SAMSUNG 65 INCH		75.000	60.000	x											
99	Tủ hồ sơ 12 hộc nhôm	10.036					x									
100	Tủ hồ sơ kính lùa	10.036					x									
101	TV LCD Plasma Panasonic	60.000					x									
102	TV LCD Plasma Panasonic	60.000					x									
103	TV LCD Sony 40 inches	47.000					x									
104	TV plasma Sony PKSX 43	45.000					x									

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)


Nguyễn Huỳnh Lê Vy

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)




Lương Văn Định

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Thạnh Lộc
Mã đơn vị: 1042858
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2025

Stt	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê						Liên doanh, liên kết					
		Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê (m2)	Đơn giá thuê	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng cho thuê tài sản (số ..., ngày...)	Thời hạn cho thuê (từ ... đến ...)	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản liên doanh, liên kết	Đối tác liên doanh liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số ..., ngày...)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ ... đến ...)	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
1	Căn tin + nhà xe học sinh				552	270.000.000 đồng/ năm	Công ty TNHH MTV VYL	258/HĐ-THPT.TL ngày 25/08/2025	Từ 01/09/2025 đến 31/08/2026	270.000.000						
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															
	Tổng cộng															

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)


Nguyễn Huỳnh Lê Vy

Ngày 02 tháng 03 năm 2025
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Đương Văn Định